TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-4-2025
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tuân**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Đình Khôi** và ông **Phạm Công Gia**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 464/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: tổ 8, ấp 7, xã Phú Lập (xã Núi Tượng cũ), huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1983
Nơi cư trú: tổ 8, ấp 7, xã Phú Lập (xã Núi Tượng cũ), huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
(ông D, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/10/2024, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Kim D trình bày:

Về hôn nhân: ông D, bà L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2005 và được UBND xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 13/5/2005. Đời sống của vợ chồng ông hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, bà L nhiều lần tự ý bỏ nhà đi và không quan tâm chăm sóc gia đình. Hiện nay ông và bà L đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn tình cảm nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phùng Thị L.

Về con chung: ông và bà L có 02 con chung là: Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 20/5/2005; Nguyễn Kim Ngọc Á1, sinh ngày 01/4/2013. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ánh, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Anh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bà Phùng Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa*:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông D. Cho ông Nguyễn Kim D được ly hôn với bà Phùng Thị L.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim Ngọc Á1, sinh ngày 01/4/2013 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 20/5/2005 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông D và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D trình bày không có nợ chung, bà L không đến Tòa làm việc nên không có lời khai nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí: ông D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Phùng Thị L cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Kim D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách đương sự: Ông Nguyễn Kim D là nguyên đơn, bà Phùng Thị L là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Nguyễn Kim D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bà Phùng Thị L vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: ông D, bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng. Vì vậy, hôn nhân giữa ông D, bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống ông D, bà L hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên thường xảy ra cãi vã, xung đột. Hiện nay ông D, bà L không còn sống chung, không quan tâm đến nhau, điều này phù hợp với biên bản xác minh về mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương nơi cư trú. Như vậy có căn cứ xác định ông D, bà L trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D đối với bà L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5.2] Về con chung: ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Kim Ngọc Á1, sinh ngày 01/4/2013, cháu Ánh có nguyện vọng được sống cùng ông D, bà L vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề nuôi con. Do đó, giao cháu Nguyễn Kim Ngọc Á1 cho ông Nguyễn Kim D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 20/5/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5.4] Về tài sản chung: Ông D trình bày tự thỏa thuận, bà Phùng Thị L vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[5.5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Kim D trình bày không có, bà Phùng Thị L vắng mặt không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 85, 91, 92, 93 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Kim D được ly hôn với bà Phùng Thị L.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Kim Ngọc Á1, sinh ngày 01/4/2013 cho ông D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Nguyễn Thị Kim A đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Bà Phùng Thị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Kim D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai số 0013511 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Ông Nguyễn Kim D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lập (xã Núi Tượng cũ) (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 13/5/2005);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tuân